

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 797 /SCT-QLNL
V/v báo cáo kết quả thực hiện
giảm giá điện, giảm tiền điện
cho các khách hàng sử dụng điện
bị ảnh hưởng của dịch Covid-19

Quảng Trị, ngày 09 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương

Thực hiện Văn bản số 3021/BCT-ĐTĐL ngày 28/4/2020 của Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; Sau khi triển khai thực hiện, Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo như sau:

Ngày 17/4/2020, Sở Công Thương đã ban hành Văn bản số 498/SCT-QLNL về việc triển khai thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch CoVid-19 gửi Công ty Điện lực Quảng Trị và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện; Trên cơ sở kết quả báo cáo của các đơn vị, Sở Công Thương Quảng Trị tổng hợp báo kết quả thực hiện trong tháng 5/2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại phụ lục đính kèm.

Vậy, Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo đến Cục Điều tiết Điện lực tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLNL (4).

Lê Quang Vĩnh

Phụ lục

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢM GIÁ ĐIỆN, GIẢM TIỀN ĐIỆN DO TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19
THÁNG 5 NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số:797/SCT-QLNL ngày 09/6/2020 của Sở Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19)

Tháng: 5/2020

STT	Nội dung	Tháng 5/2020				Lũy kế đến hết ngày 31/05/2020			
		Tổng số khách hàng/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)	Tổng số khách hàng/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)
	Tổng cộng:	187.721	50.845.640	86.564.717.085	9.620.053.412	192.402	62.721.977	106.028.584.698	11.826.565.263
I/	Giảm giá điện	187.669	50.344.219	85.938.697.395	9.353.081.199	192.341	62.195.574	105.402.565.008	11.511.090.816
1	Khách hàng sản xuất	10.984	22.327.168	35.211.485.878	3.905.458.153	14.302	33.447.269	52.998.127.133	5.878.149.869
2	Khách hàng Kinh doanh	4.594	2.262.294	5.629.729.867	626.413.125	5.934	2.933.872	7.171.818.731	796.717.771
3	Khách hàng Sinh hoạt	171.955	25.379.643	44.466.581.750	4.456.291.982	171.955	25.379.643	44.466.581.750	4.456.291.982
4	Khách hàng là cơ sở lưu trú du lịch	119	308.904	488.879.450	349.159.959	125	346.838	577.380.354	358.998.618
5	Khách hàng bán buôn điện	17	66.210	142.020.450	15.757.980	25	87.952	188.657.040	20.932.576
5.1	Khách hàng bán buôn nông thôn	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Khách hàng bán buôn Khu tập thể-CDC	-	-	-	-	-	-	-	-
5.3	Khách hàng bán buôn TM-DV-SH	-	-	-	-	-	-	-	-
5.4	Khách hàng bán buôn KCN	-	-	-	-	-	-	-	-
5.5	Khách hàng bán buôn Chợ	17	66.210	142.020.450	15.757.980	25	87.952	188.657.040	20.932.576
II/	Giảm tiền điện:	52	501.421	626.019.690	266.972.213	61	526.403	626.019.690	315.474.447
1	Cơ sở (không phải khách sạn) được dùng để cách ly, khám bệnh tập trung bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	34	59.888	-	110.467.293	43	84.870	-	158.969.527
2	Cơ sở y tế được dùng để khám, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	16	436.454	618.547.236	154.636.807	16	436.454	618.547.236	154.636.807
3	Khách sạn được dùng để cách ly bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	2	5.079	7.472.454	1.868.113	2	5.079	7.472.454	1.868.113